

Số: 05/2024/SMDS-CBTT

V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường
niên năm 2023

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
Mã thành viên : 047
Địa chỉ : Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại liên hệ : 024.3686 9999 Fax: 024.3205 2969
Email : cbtt@smartmind.vn
Website : <https://www.smartmind.vn>
Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên
Chức vụ : Trưởng bộ phận Pháp chế
2. Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
3. Nội dung thông tin công bố:
- Báo cáo thường niên năm 2023
4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind vào ngày 17/04/2024 tại đường dẫn: <https://www.smartmind.vn/danh-muc-cong-bo-thong-tin/thong-bao-smartmind/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

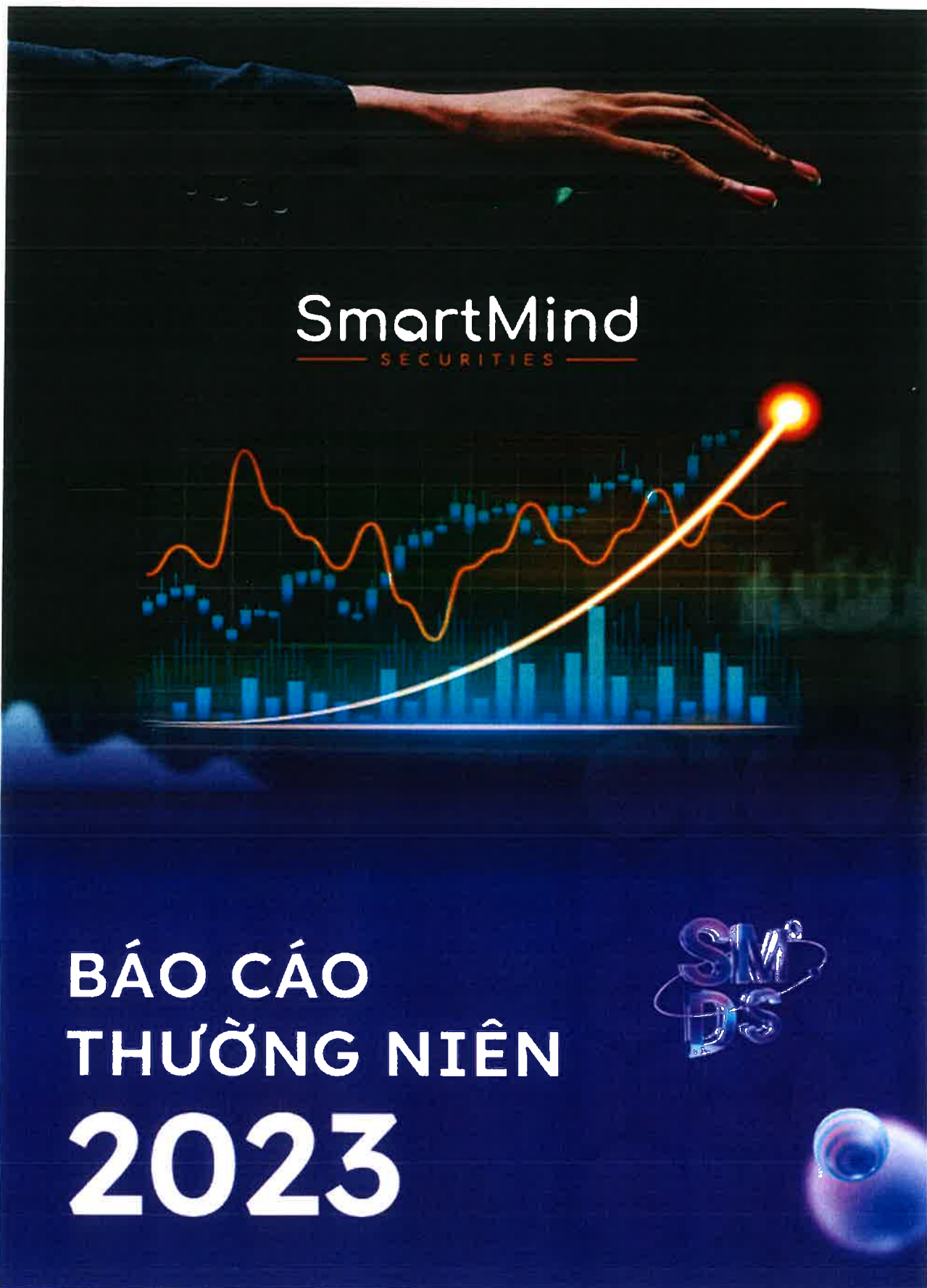
- Báo cáo thường niên năm 2023.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SMARTMIND

Q. NAM TỪ LIÊM - T.P. HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



☎ 1900 1000

🖱 Smartmind.vn

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

1.	TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND	5
1.1.	Thông tin doanh nghiệp	5
1.2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	5
2.	CƠ CẤU CÔNG TY VÀ ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO	6
2.1.	Cơ cấu Công ty.....	6
2.2.	Đội ngũ lãnh đạo	8
3.	TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	11
3.1.	Tầm nhìn.....	11
3.2.	Sứ mệnh	11
3.3.	Giá trị cốt lõi.....	11
4.	RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO	11
4.1.	Nguyên tắc quản trị rủi ro	11
4.2.	Các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của SMDS.....	12
5.	NHỮNG DẤU ẤN TRONG NĂM 2023	16
6.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023	16
6.1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	16
6.2.	Định hướng công nghệ là nền tảng, mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.....	17
6.3.	Tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả.....	17
6.4.	Văn hóa doanh nghiệp.....	18
7.	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....	18
7.1.	Lấy Khách hàng là trọng tâm.....	18
7.2.	Tiếp tục nâng cấp công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng	18
7.3.	Con người là nhân tố cốt lõi của Tổ chức	19
8.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023	19
8.1.	Tình hình tài chính	19
8.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	19

9.	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	20
10.	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
	10.1. Hoạt động kinh doanh của SMDS năm 2023	21
	10.2. Kế hoạch kinh doanh của SMDS năm 2024	24
11.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SMDS	24
	11.1. Bối cảnh chung.....	24
	11.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2023.....	25
	11.3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2024	28
12.	HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) TRONG NĂM 2023.....	29
	12.1. Các hoạt động của BKS năm 2023	29
	12.2. Kết quả giám sát đối với HĐQT	30
	12.3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc	31
	12.4. Thẩm định Báo cáo Tài chính.....	31
	12.5. Đề xuất và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS	33
13.	THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	34
14.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	35
	14.1. Ý kiến kiểm toán	35
	14.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	37

1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND

1.1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Chứng khoán SmartMind (“SMDS”), tên tiếng Anh: SmartMind Securities Joint Stock Company, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán lần đầu số 42/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 đã được sửa đổi và bổ sung theo Giấy phép điều chỉnh số 83/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2023 và có trụ sở chính tại Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tên doanh nghiệp	Công ty cổ phần Chứng khoán SmartMind
Tên tiếng Anh	SmartMind Securities Joint Stock Company
Đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Nam Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)
Ngày thành lập	28/12/2006
Số vốn điều lệ	1.000.373.030.000 VNĐ
Trụ sở chính	Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Website	https://www.smartmind.vn
Điện thoại	+84 24 3686 9999

SMDS được cấp phép thực hiện đầy đủ bốn nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Địa bàn kinh doanh chủ yếu: Thành phố Hà Nội và thông qua phương thức giao dịch điện tử.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 15/7/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.000.373.030.000 đồng; bổ sung nghiệp vụ, gồm: Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán (ngoài nghiệp vụ Môi giới chứng khoán đã có sẵn);
- Ngày 13/1/2022: Chính thức chuyển trụ sở đến Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- Ngày 19/1/2022: Mở 03 văn phòng đại diện tại các thành phố Phú Thọ, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc;
- Ngày 23/03/2022: Mở 01 văn phòng đại diện tại Đồng Nai;

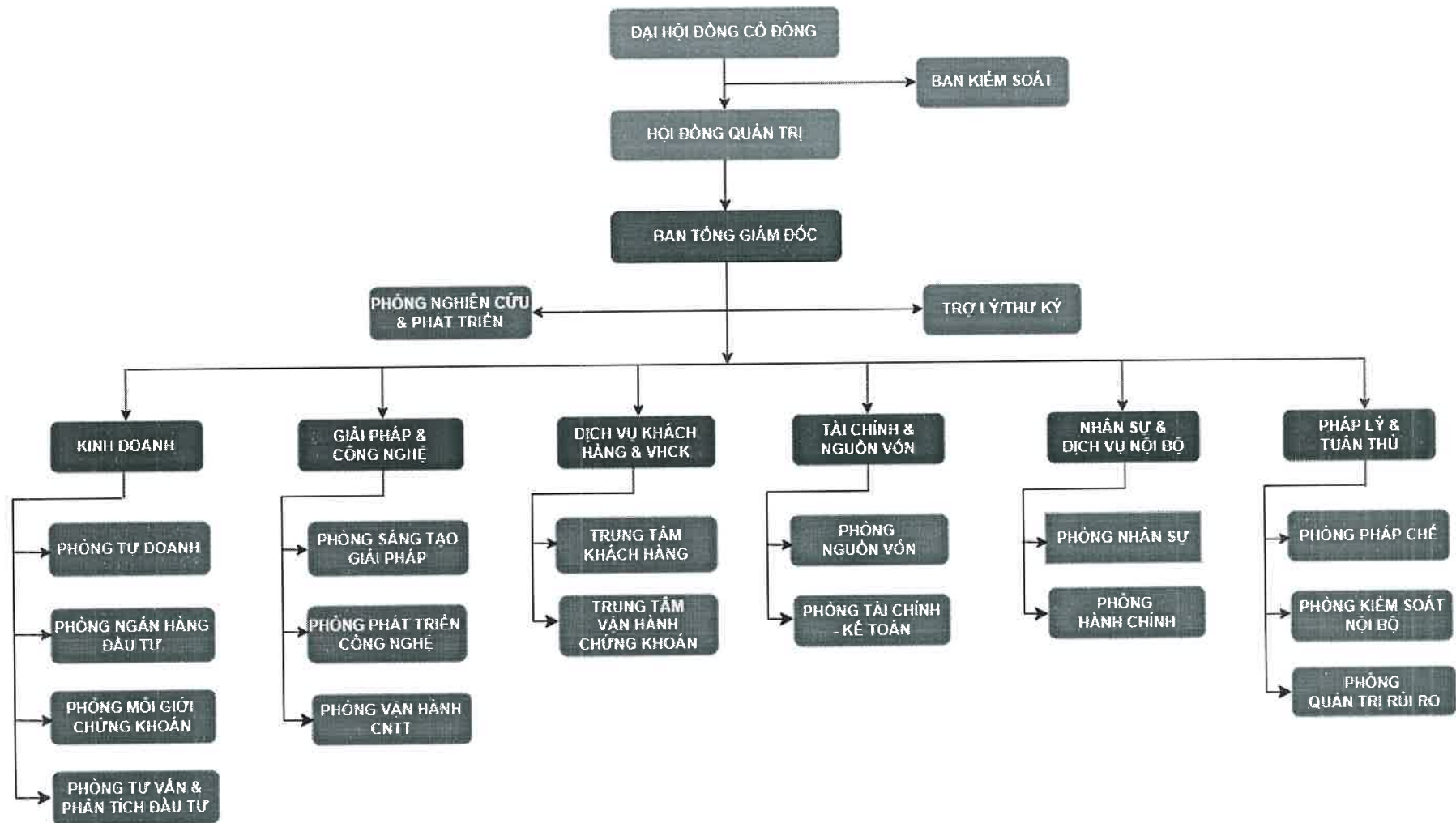
- Ngày 16/08/2022: Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT Đỗ Thị Định;
- Ngày 18/01/2023: Đóng cửa 04 văn phòng đại diện tại các thành phố Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc và Đồng Nai; và
- Ngày 18/10/2023: Thay đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Chứng khoán SmartMind và thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT Nguyễn Nam Hưng.

2. CƠ CẤU CÔNG TY VÀ ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

2.1. Cơ cấu Công ty

[Xem tiếp trang sau]

Chúng tôi có một kết cấu tổ chức chặt chẽ và đầy đủ các bộ phận phục vụ kinh doanh và vận hành nghiệp vụ của một công ty chứng khoán.



2.2. Đội ngũ lãnh đạo

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHUYÊN MÔN VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Ông Nguyễn Nam Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành	Cử nhân luật - Đại học Luật Ông Hưng có 09 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán tại các tổ chức tài chính lớn. Ông Hưng đã từng là Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành Công ty CP Chứng khoán SmartMind giai đoạn từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022. Ngoài thời gian công tác tại CTCP Chứng khoán SmartMind, ông từng đảm nhận các vị trí: Giám đốc Pháp chế & Quản lý tuân thủ tại Công ty Cổ phần chứng khoán Kỹ thương Việt Nam, Cố vấn cao cấp tại Công ty TNHH Luật YKVN; Giám đốc Ban Trợ lý phụ trách Pháp chế, Phát triển sản phẩm tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS...
Bà Đỗ Thị Định	Thành viên HĐQT	Cử nhân chuyên ngành kinh tế - Học viện Tài chính Bà Định có hơn 10 năm kinh nghiệm điều hành, quản lý trong lĩnh vực xây dựng, tài chính tại các tổ chức lớn, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine ▪ Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service ▪ Phó giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình ▪ Chủ tịch HĐQT/Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa ▪ Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên ▪ Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes ▪ Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ ▪ Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn ▪ Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes

- Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn RealTech
- Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thiên Hải
- Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng Khoán SmartMind

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thành viên HĐQT

Cử nhân ngành Kinh tế đầu tư - Trường Kinh tế Quốc dân, cử nhân ngôn ngữ Anh - Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường Delaware State University.

Bà Hạnh có hơn 17 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính tại các tổ chức tài chính lớn, bao gồm:

- Chuyên viên Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Phó phòng Phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom
- Trưởng Ban Tài chính Tập đoàn/Trưởng phòng/Phó phòng Tài chính Tập đoàn Tập đoàn Geleximco - Công ty Cổ phần
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Minh Long
- Phó Ban tài chính - Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH SIPT
- Thành viên HĐQT Độc lập - Ngân hàng TMCP Kiên Long
- Thành viên HĐQT, Phó tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes
- Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng Khoán SmartMind

Ông Nguyễn Đức Minh **Tổng Giám đốc** Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Đại học Bách Khoa Hà Nội, Cử nhân ngôn ngữ Anh - Đại học Hà Nội, Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính.

Ông Minh có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán tại các tổ chức tài chính lớn. Trước khi công tác tại CTCP Chứng khoán SmartMind, ông từng giữ các vị trí Trưởng phòng môi giới CTCP Chứng khoán Sacombank, Trưởng phòng môi giới CTCP Chứng khoán SHB, Trưởng phòng kiểm soát tín dụng Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam...

Bà Nguyễn Thủy Nguyên **Phó Tổng Giám đốc** Cử nhân kinh tế - Đại học kinh tế Quốc dân

Bà Nguyên có hơn 16 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán tại các tổ chức tài chính lớn, bao gồm:

- Chuyên viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Phó Trưởng Phòng Thẩm định/Trưởng Bộ phận Thẩm định tín dụng - Chi nhánh Hàn Thuyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
- Phó Trưởng phòng/Phó Ban - Tập đoàn Geleximco - Công ty Cổ phần
- Trưởng Ban Đầu tư/Giám đốc tài chính - Tập đoàn Vũ Gia - Công ty TNHH
- Phó Trưởng phòng tài chính - Công ty Euro Window Holding
- Trưởng Phòng trái phiếu - Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính/Phó Tổng Giám đốc/Trưởng phòng trái phiếu/ Phó Ban tài chính Công ty CP Tập đoàn KSFinance
- Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính và kế toán - Công ty CP phát triển Sunshine Homes
- Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phát triển S.I

Bà Trần Thị
Kim Oanh

Kế toán
trưởng

Cử nhân chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp - Học viện
ngân hàng

Bà Oanh có hơn 7 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính tại các tổ chức tài chính lớn. Trước khi công tác tại CTCP Chứng khoán SmartMind, bà từng đảm nhận các vị trí: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam; Tư vấn Tài chính Kế toán tại Công ty TNHH Tay máy Việt Nam; Kế toán tổng hợp tại Công ty AIP Foundation...

3. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

3.1. Tâm nhìn

SMDS trở thành người đồng hành tin cậy trên hành trình tạo dựng hạnh phúc tài chính của mỗi khách hàng.

3.2. Sứ mệnh

SMDS luôn nỗ lực hết mình để mang tới hệ giải pháp tài chính thông minh, đơn giản và hiệu quả, tương thích với đa dạng nhu cầu của khách hàng.

3.3. Giá trị cốt lõi

- (a) **Đồng hành:** SMDS cam kết lắng nghe, thấu hiểu, hỗ trợ và mang đến cho khách hàng các giải pháp, kiến thức và thông tin minh bạch trong suốt hành trình tạo dựng hạnh phúc tài chính.
- (b) **Tử tế:** Tử tế từ những việc nhỏ nhất để tạo dựng niềm tin.
- (c) **Sáng tạo:** Chúng tôi sáng tạo để tốt hơn mỗi ngày, biến những ý tưởng từ trừu tượng, phức tạp thành hiện thực giá trị.
- (d) **Đơn giản:** SMDS cam kết tính ứng dụng cao, đơn giản của mỗi sản phẩm.
- (e) **Khách hàng là trung tâm:** Chúng tôi lắng nghe và thấu hiểu khách hàng để mang tới hệ giải pháp tương thích với nhu cầu của họ. Khách hàng luôn ở vị trí ưu tiên trong mọi suy nghĩ và hành động. Minh bạch mọi thông tin cho khách hàng là cam kết trong hoạt động của chúng tôi.

4. RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

4.1. Nguyên tắc quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông suốt, phân tầng nhiệm vụ từ trên xuống dưới. Trong đó, HĐQT có nhiệm vụ định hướng hoạt động, xây dựng văn hóa quản trị rủi ro của SMDS, phê duyệt các chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro, giao quyền triển khai cho Ban Tổng Giám đốc và giám sát việc triển khai các chính sách quản lý rủi ro ... trên các nguyên tắc cụ thể sau:

- (a) Nguyên tắc tuân thủ
Tuân thủ các quy định pháp luật, phù hợp với thông lệ ngành.
- (b) Nguyên tắc minh bạch, khách quan
- (i) Hoạt động quản lý của SMDS dựa trên việc sử dụng tối đa các nguồn thông tin (bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu lịch sử, các quan sát, dự báo, ý kiến/kinh nghiệm chuyên gia và các bên liên quan); các thông tin đưa ra được nhận thức rõ ràng và xem xét trong quá trình quyết định về quản lý rủi ro để đảm bảo tính trung thực, công bằng, khách quan; và
- (ii) Các nguyên tắc quản lý rủi ro được đưa vào từng quy trình/quy định và hoạt động nhằm mục đích quản lý rủi ro hiệu quả và nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro. Việc nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro sẽ được thực hiện thông qua cơ chế trao đổi thông tin giữa các cấp, các bộ phận có liên quan. Các đơn vị sẽ được thông báo, phổ biến, đào tạo và tuyên truyền về quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ của SMDS để hiểu rõ, nhận thức thống nhất và đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- (c) Nguyên tắc quản trị hiệu quả
SMDS đảm bảo cân bằng giữa lợi ích và rủi ro trong tất cả các hoạt động. SMDS chấp nhận rủi ro khi lợi ích lớn hơn chi phí (bao gồm lợi ích tiềm ẩn và chi phí tiềm ẩn) nhằm tối ưu hóa lợi ích của cổ đông. SMDS chỉ chấp nhận các hoạt động kinh doanh khi có những cơ sở để Cấp có thẩm quyền nhận thấy rằng tổng các lợi ích SMDS thu được sẽ lớn hơn tổng các chi phí bỏ ra.
- (d) Nguyên tắc phân định trách nhiệm
- (i) Công tác Quản lý rủi ro là trách nhiệm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn bộ khối/phòng/ban cũng như mỗi cán bộ, nhân viên tại SMDS;
- (ii) Cơ cấu tổ chức được thực hiện trên cơ sở phân vai độc lập và khách quan: phân luồng rõ rệt giữa kinh doanh, quản lý rủi ro và vận hành. Hệ thống phân cấp thẩm quyền phải được thể hiện rõ ràng từ Đại hội đồng cổ đông xuống HĐQT/Ban Tổng Giám đốc/các đơn vị theo quy định của SMDS từng thời kỳ; và
- (iii) Việc kiểm soát trong quá trình vận hành hoạt động phải đảm bảo được thực hiện theo tối thiểu hai cấp: cấp thực hiện và cấp kiểm soát.
- (e) Nguyên tắc quản trị rủi ro tiên tiến
Hoạt động quản lý rủi ro của SMDS thường xuyên cập nhật các xu hướng phát triển, thông lệ quốc tế về ngành. Các cán bộ, nhân viên tại SMDS không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực học hỏi, đảm bảo việc quản lý rủi ro phù hợp với chiến lược, cơ cấu tổ chức, quy mô của SMDS cũng như phù hợp với những thay đổi của môi trường bên ngoài từng thời kỳ.

4.2. Các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của SMDS

- (a) Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc SMDS không tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Rủi ro này có thể xuất phát từ các nguyên nhân: Do sự mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu rõ ràng và đồng bộ của các quy định pháp luật hoặc do thay đổi các quy định pháp luật mà SMDS không kịp thời cập nhật; Do một cá nhân hoặc bộ phận trong SMDS không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, các quy trình nghiệp vụ không đủ chặt chẽ, tạo các kẽ hở dẫn đến vi phạm quy định của pháp luật; hoặc Do không thực hiện xử lý các tranh chấp pháp lý hoặc thực thi các quyền và nghĩa vụ của SMDS một cách kịp thời trong thời hạn cho phép làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của SMDS. Nhằm hạn chế rủi ro này, SMDS cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong SMDS trong đó:

- (i) Phòng Pháp chế chủ động và thường xuyên cập nhật thông tin về nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của SMDS; nghiên cứu văn bản mới ban hành, đánh giá tác động của quy định mới và đưa ra các yêu cầu điều chỉnh hoặc chủ động đề xuất kế hoạch triển khai và thay đổi khi cần thiết.
- (ii) Phòng Pháp chế rà soát, kiểm tra tính pháp lý của các văn bản ký kết với khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện những yếu tố rủi ro pháp lý tiềm ẩn, Phòng Pháp chế phối hợp với các đơn vị liên quan để chỉnh lý kịp thời.
- (iii) Phòng Quản trị rủi ro kết hợp với các phòng/ban/bộ phận thuộc Khối Giải pháp và Công nghệ rà soát hệ thống vận hành nghiệp vụ, đảm bảo tuân thủ với các quy định của pháp luật hiện hành; phối hợp cùng Phòng Sáng tạo giải pháp tiến hành rà soát và đưa ý kiến tham vấn về tính hợp lý và tuân thủ các chính sách sản phẩm đã và sắp được áp dụng.
- (iv) Phòng Quản trị rủi ro cho ý kiến đối với các quy trình/quy định/tài liệu trong các hoạt động nghiệp vụ trước khi thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro này có thể xuất phát từ các nguyên nhân: Do tình hình biến động kinh tế; những thay đổi về chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước như tăng/giảm lãi suất, giá cả hàng hóa, chênh lệch tỷ giá hối đoái...; Do những biến động về lãi suất, tỷ lệ lạm phát, các chính sách Ngân hàng Nhà nước và các biến động vĩ mô khác có tác động lớn đến tình hình vay vốn và kinh doanh vốn của SMDS; hoặc Do những biến động của thị trường chứng khoán tác động đến danh mục tự doanh của SMDS. Để kiểm soát và hạn chế các rủi ro này, SMDS thực thi một số biện pháp trong năm như:

- (i) Xây dựng các chính sách về dịch vụ cho vay ký quỹ phù hợp với từng thời kỳ như: thiết lập hệ thống tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ duy trì, tỷ lệ cảnh báo phù hợp, theo dõi danh mục chứng khoán cho vay ký quỹ hàng ngày để đảm bảo trong trường hợp thị trường giảm sút vẫn có thể xử lý kịp thời tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho vay margin của SMDS;
 - (ii) Quy định nhiệm vụ và trách nhiệm của từng phòng/ban/bộ phận cụ thể trong việc theo dõi sát sao tỷ lệ ký quỹ của khách hàng nhằm đảm bảo bổ sung tài sản đảm bảo hoặc trả nợ, kịp thời xử lý chứng khoán khi xảy ra những biến động bất lợi của thị trường;
 - (iii) Phòng Nguồn vốn phối hợp với Phòng Quản trị rủi ro kiểm soát chặt chẽ tình hình biến động của lãi suất, cân đối tình hình biến động nguồn vốn hàng ngày và nhu cầu của khách hàng để luôn đảm bảo thiết lập tổng hạn mức cho vay trong khả năng cung ứng của SMDS; và
 - (iv) Phòng Tự doanh theo dõi chặt chẽ danh mục tự doanh, đề xuất các biện pháp cơ cấu danh mục hợp lý với Ban lãnh đạo.
- (c) Rủi ro thanh khoản
- (i) Là rủi ro khi SMDS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro này có thể xuất phát từ các nguyên nhân: Do những sự cố, sai sót của bên thứ ba có tác động, ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của SMDS hoặc ảnh hưởng đến khả năng cung cấp dịch vụ của SMDS cho các khách hàng; Do những tác động của các yếu tố bên ngoài và của thị trường, những thay đổi về chính sách, pháp luật của Nhà nước có thể tác động đến hoạt động, chiến lược, chính sách của SMDS; Do nguyên nhân từ việc thua lỗ liên tục làm cho nguồn tiền của SMDS ngày càng bị thiếu hụt, có thể dẫn đến dòng tiền âm. Việc thua lỗ liên tục có thể làm tê liệt hoạt động của SMDS; Do thay đổi hệ thống quản lý dòng tiền; Do những thay đổi trọng yếu (như việc tái cấu trúc, chuyển đổi...); Do thiếu tiền mặt khi thực hiện dự báo dòng tiền: phát sinh trong quá trình thanh toán chi phí như chi phí tiền lương, tiền công, chi phí dịch vụ mua ngoài, thanh toán bù trừ. Rủi ro này xảy ra khi không thể chuyển đổi tài sản thành tiền hoặc khi không thể rút tiền về để thực hiện thanh toán .SMDS hạn chế rủi ro này bằng các giải pháp: Xây dựng các tiêu chí nhằm phát hiện và cảnh báo về các hoạt động kinh doanh, đầu tư của SMDS nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và nguồn lực tài chính của SMDS; và
 - (ii) Xây dựng báo cáo để theo dõi, thông báo và kịp thời xử lý trước các vấn đề liên quan đến khả năng thanh toán của SMDS.
- (d) Rủi ro thanh toán



Là những rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro này có thể xuất phát từ các nguyên nhân: do những sai sót, sự cố phát sinh trong quá trình tác nghiệp nằm ngoài khả năng kiểm soát của các đơn vị thực hiện nghiệp vụ; do những sự cố, sai sót của bên thứ ba có tác động, ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của SMDS hoặc ảnh hưởng đến khả năng cung cấp dịch vụ của SMDS cho các khách hàng; do những tác động của các yếu tố bên ngoài và của thị trường, những thay đổi về chính sách, pháp luật của Nhà nước có thể tác động đến hoạt động, chiến lược, chính sách của SMDS; do công tác quản lý khách hàng/đối tác, tài sản bảo đảm chưa chặt chẽ, tồn tại các lỗ hổng dẫn đến rủi ro thanh toán của SMDS; hoặc do việc thực hiện sai quy trình, quy định dẫn đến phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. SMDS áp dụng một số biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro thanh toán đến hoạt động kinh doanh như sau:

- (i) Theo dõi, giám sát, phát hiện, và cảnh báo các giao dịch bất thường, có dấu hiệu thao túng, làm giá chứng khoán tại SMDS nhằm ngăn chặn việc sử dụng vốn vay của SMDS để thực hiện các hành vi sai quy định pháp luật, đảm bảo uy tín và an toàn nguồn vốn cho vay của SMDS;
 - (ii) Ban hành quy định về phương pháp luận cho vay danh mục ký quỹ; trong đó, xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá và thẩm định các mã chứng khoán được phép cho vay giao dịch ký quỹ trên thị trường theo quy định từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - (iii) Phân hạng rủi ro và chất lượng các mã chứng khoán theo kết quả thẩm định, từ đó hạn chế rủi ro thanh toán của khách hàng trong nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ; và
 - (iv) Xây dựng hệ thống báo cáo, cảnh báo để theo dõi, thông báo và kịp thời xử lý trước các vấn đề về thanh toán mọi nghĩa vụ của khách hàng, hạn chế rủi ro không thu hồi được nợ của khách hàng.
- (e) Rủi ro hoạt động

Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác. Rủi ro này có thể xuất phát từ các nguyên nhân: Do sự chồng chéo trong các quy định và ngoài khả năng kiểm soát hoặc xảy ra các vấn đề tồn đọng do không theo kịp với những thay đổi của quy định pháp luật; Do những sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ; Do các quy chế, quy trình thiếu rõ ràng, chưa chặt chẽ tạo điều kiện cho các cá nhân vi phạm đạo đức nghề nghiệp; hoặc Do thiếu hoặc chưa đáp ứng kịp thời các công cụ kiểm soát tự động dẫn đến các thiếu sót khi kiểm soát bằng tay. Rủi ro này tại SMDS được phát hiện, kiểm soát bằng các biện pháp:

- (i) Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với các đơn vị vận hành, Phòng Pháp chế, Phòng Kiểm soát nội bộ trong quá trình soạn thảo quy trình nghiệp vụ để

đảm bảo tính chặt chẽ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của SMDS;

- (ii) Các quy trình nghiệp vụ cần được xây dựng một cách khoa học, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận trong SMDS;
- (iii) Phòng Quản trị rủi ro làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan đưa ra phương án kiểm soát và quản trị rủi ro cho từng khâu nghiệp vụ, đánh giá mức độ rủi ro và đưa ra giải pháp xử lý;
- (iv) Trưởng các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm kiểm tra, nhắc nhở nhân viên bảo đảm việc tuân thủ quy chế, quy trình; kịp thời báo cáo và xử lý khi có sự cố phát sinh, đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra;
- (v) Phối hợp với Khối Giải pháp và Công nghệ để đưa ra các công cụ kiểm soát tự động, hạn chế kiểm soát thủ công; và
- (vi) Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, đảm bảo cán bộ nhân viên thực hiện đúng quy chế, quy trình và xử lý khi có sự cố xảy ra.

5. NHỮNG DẤU ÁN TRONG NĂM 2023

- (a) Hoàn thành tốt chương trình kiểm tra định kỳ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (b) Hoàn thành tiếp 02 đoàn thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kiểm tra giao dịch cổ phiếu;
- (c) Nâng cấp hệ thống giao dịch của Khách hàng, đưa vào hoạt động chính thức hệ thống (i) webtrading, bảng giá mới, app SmartMind với đầy đủ tính năng, giao diện thân thiện, hiện đại; (ii) hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ và bổ sung các tính năng cho hệ thống back office phục vụ hoạt động nghiệp vụ như công tác hậu kiểm mở tài khoản, tạo chiến dịch truyền thông sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng thông qua tính năng thông báo, hệ thống quản lý cộng tác viên...
- (d) Thay đổi tên Công ty, kiện toàn lại bộ máy tổ chức và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả; và
- (e) Doanh thu đạt 217,17 tỷ đồng, tương đương 126,01% so với kế hoạch đề ra năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 124,21 tỷ đồng tương đương 123,76% so với kế hoạch đề ra năm 2023.

6. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Trước các diễn biến không thuận lợi của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, SMDS đã nỗ lực trong việc duy trì hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể các đơn vị, cán bộ nhân viên SMDS đã cùng nhau cố gắng để Công ty hoàn thành tốt mục tiêu được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) giao về doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể:

- (a) Lợi nhuận trước thuế đạt 124,21 tỷ đồng, đạt 123,76% so với kế hoạch.
- (b) Tổng doanh thu 2023 đạt 217,17 tỷ đồng, đạt 126,01% so với kế hoạch được giao. Trong đó, doanh thu tự doanh đạt 130,59 tỷ đồng, đạt 139,92%, doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đạt 79,7 tỷ đồng, đạt 100,88% so với kế hoạch.

6.2. Định hướng công nghệ là nền tảng, mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng

Với hệ thống cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, thay thế, nâng cấp từ năm 2022, SMDS đã có một hạ tầng trung tâm dữ liệu mới hoạt động ổn định, an toàn, tuân thủ đúng tiêu chuẩn của các Cơ quan quản lý, đồng thời nâng cao trải nghiệm sử dụng dịch vụ cho khách hàng.

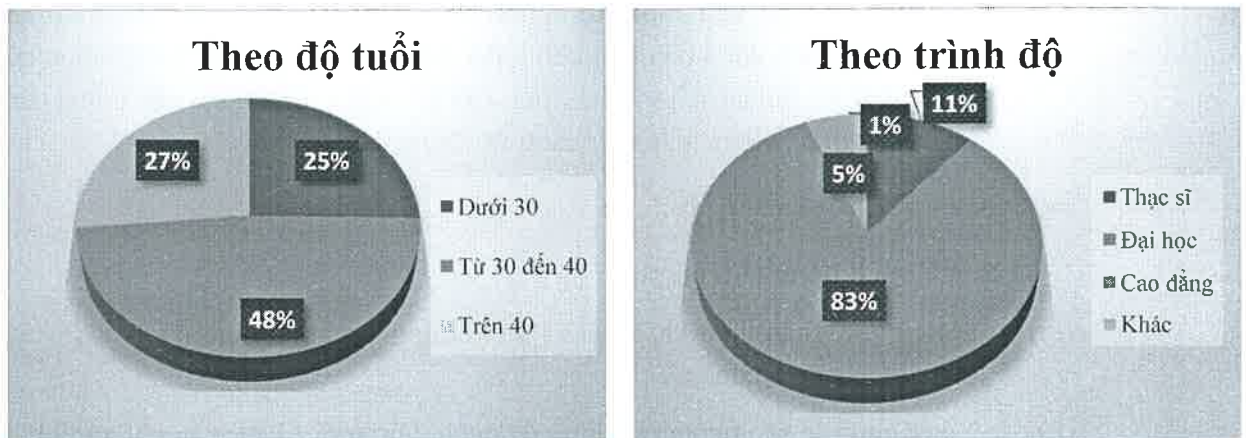
Năm 2023, SMDS cũng tiếp tục cải tiến hệ thống sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: nâng cấp hệ thống giao dịch, đưa vào hoạt động chính thức hệ thống (i) webtrading, bảng giá mới, app SmartMind với đầy đủ tính năng, giao diện thân thiện, hiện đại; (ii) hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, SMDS là một trong các thành viên tham gia tích cực, đầy đủ các đợt kiểm thử các chức năng go live của hệ thống KRX, tỷ lệ kiểm thử thành công đạt khoảng 80%.

6.3. Tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả

Năm 2023, SMDS tiếp tục kiện toàn hoạt động kinh doanh, tối ưu chi phí, SMDS đã thúc đẩy năng suất nhân viên một cách hiệu quả nhất và đồng thời đưa ra các quyết định hợp lý trong việc tinh giảm, bố trí lại nhân sự. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại đội ngũ, số lượng nhân sự tính đến 31/12/2023 còn 83 người, bằng 55% so với thời điểm 31/12/2022.

Mặc dù số lượng nhân sự giảm nhiều, SMDS vẫn duy trì số lượng nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm hơn 90% tổng số lao động, đồng thời bố trí hợp lý, kết hợp hài hòa lao động giữa các độ tuổi nhằm đảm bảo tính ổn định và năng suất lao động trong hoạt động của Công ty.



Thống kê nhân sự theo độ tuổi và theo trình độ

Cùng với đó, SMDS duy trì và cố gắng ngày càng hoàn thiện Chính sách nhân sự và các chế độ đãi ngộ tốt nhằm giữ chân cán bộ nhân viên trong năm 2023, một số chính sách nhân sự tiêu biểu năm 2023 gồm:



- (a) Sửa đổi ban hành Quy chế tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ nhân viên;
- (b) Sửa đổi ban hành Quy định hợp đồng lao động;
- (c) Ban hành Quy định chấm công và vắng mặt;
- (d) Ban hành Nội quy lao động; và
- (e) Tổ chức Khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên.

Ngoài ra, SMDS còn chú trọng việc tổ chức các hoạt động đào tạo, văn hóa, gắn kết cán bộ nhân viên, chia sẻ định hướng phát triển của SMDS, cũng như xây dựng cầu nối vững chắc giữa cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên trên tinh thần thấu hiểu, tôn trọng và cùng nhau phát triển:

- (a) Tổ chức các hoạt động gắn kết cán bộ nhân viên, xây dựng văn hóa SMDS: “Happy Hours”, “Teambuilding”,...;
- (b) Trang bị kiến thức chứng khoán cho cán bộ nhân viên thông qua các khóa đào tạo nội bộ: Chứng khoán cơ sở, chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán, phân tích kỹ thuật cơ bản;
- (c) Ra mắt bản tin nội bộ: Cập nhật các chính sách, các thông tin mới diễn ra trong tuần/tháng; và
- (d) Tổ chức chương trình đào tạo tân tuyển cho cán bộ nhân viên mới.

6.4. Văn hóa doanh nghiệp

- a) SMDS luôn coi trọng việc hoàn thiện và xây dựng văn hóa tại nơi làm việc để các cán bộ nhân viên coi SMDS như ngôi nhà thứ hai của mình, với khẩu hiệu “Nhà là nơi để về, SMDS là nơi để đến” mỗi người đều “cảm nhận thoải mái trong lòng, cảm thấy thân thương khi nhắc về SMDS”; và
- b) SMDS luôn kiên trì, bền bỉ và đồng lòng với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân văn, hiệu quả và hiệu suất cao. Mọi người sẽ chia trong cuộc sống, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, lúc hoạn nạn khó khăn. Mỗi thành viên của SMDS học hỏi nhau để hoàn thiện nhân cách và phát triển văn hóa mang tính nhân văn thông qua 4 yếu tố: Trung thực, Nhân ái, Công bằng và Cam kết.

7. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

7.1. Lấy Khách hàng là trọng tâm

- (a) Lắng nghe, thấu hiểu khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm; và
- (b) Xây dựng các sản phẩm tài chính đa dạng, làm mới cả các sản phẩm/dịch vụ hiện có để phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

7.2. Tiếp tục nâng cấp công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng

- (a) Cải tiến hệ thống giao dịch với đầy đủ tính năng cần thiết, giao diện thân thiện... phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng;

- (b) Ứng dụng tối đa AI vào hoạt động kinh doanh và hỗ trợ khách hàng; và
- (c) Hướng tới việc dùng công nghệ, tạo kết nối mở để thúc đẩy mạng lưới, tăng trưởng khách hàng, thị phần, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.

7.3. Con người là nhân tố cốt lõi của Tổ chức

Với triết lý “Con người là nhân tố cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu và sự phát triển bền vững của tổ chức”, SMDS không ngừng nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, cũng như liên tục cập nhật, điều chỉnh Chính sách nhân sự với chế độ đãi ngộ phù hợp với từng thời kỳ và định hướng kinh doanh.

Giá trị con người luôn được đặt lên hàng đầu với 4 tiêu chí:

- (a) Luôn chủ động, không ngừng học hỏi và nâng cao năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn;
- (b) Khao khát thúc đẩy bản thân song hành với sức trẻ, nhiệt huyết, không ngại thử thách, dám sáng tạo, dám hành động;
- (c) Thái độ Thân thiện - Hòa đồng - Tôn trọng - Gắn kết; và
- (d) Mỗi cá nhân là đối tác của nhau dựa trên tinh thần: Hợp tác - Phát triển - Thành công.

8. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

8.1. Tình hình tài chính

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ năm 2023/ năm 2022 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.659,15	1.792,20	92,58%
2	Doanh thu hoạt động kinh doanh	217,06	709,97	30,57%
3	Lợi nhuận trước thuế	124,21	411,69	30,17%

8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ năm 2023/ năm 2022 (%)
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	41,02	6,39	641,99%
II Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay tổng tài sản	0,13	0,43	29,25%

III Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,03	0,16	17,70%
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,03	0,18	16,19%

IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	45,75%	46,31%	98,79%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,16%	21,73%	28,35%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,99%	18,34%	32,63%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	57,60%	60,30%	95,52%

9. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**9.1. Cổ phần**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 100.037.303 cổ phần, trong đó 100% cổ phần là cổ phần phổ thông.

9.2. Cơ cấu cổ đông:

(a) Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	94,50%
1.1	Công ty cổ phần Tập đoàn Real Tech	50,99%
1.2	Bà Trần Thị Thu Hằng	43,51%
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	5,50%
	Tổng	100%

(b) Cơ cấu cổ đông theo tính chất cổ đông

STT	Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông tổ chức trong nước	50,99%
2	Cổ đông tổ chức nước ngoài	
3	Cổ đông cá nhân trong nước	49,01%
4	Cổ đông cá nhân nước ngoài	
	Tổng	100%

9.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2023, SMDS không có biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

10. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

10.1. Hoạt động kinh doanh của SMDS năm 2023

(a) Bối cảnh chung

Năm 2023 tình hình thế giới mặc dù có một số tín hiệu tích cực, nhưng về tổng thể kinh tế toàn cầu chưa ra khỏi giai đoạn khó khăn. Sau đại dịch COVID-19, trên con đường hồi phục, hầu hết các nền kinh tế thế giới lại phải gặp thách thức lớn khác là sự tăng nhanh của giá cả hàng hoá và năng lượng. Sự nổi lỏng tiền tệ chưa từng có trong giai đoạn 2020-2021 cộng hưởng tác động từ cuộc xung đột Nga – Ukraine đã kích hoạt lạm phát trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022. Để đối phó, hầu hết các ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất liên tục, kéo dài suốt hơn 01 năm qua.

Năm 2023, trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, đặc biệt là sức ép lạm phát tăng cao và sự lên giá của các đồng tiền chủ chốt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời và phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, góp phần tham mưu chuyển hướng chính sách kịp thời, từ "chặt chẽ" sang "nới lỏng, linh hoạt".

Tuy kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức trong và ngoài nước nhưng năm 2023 ngành Chứng khoán cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định như việc (i) minh bạch thị trường, hướng tới sự phát triển lành mạnh và bền vững; (ii) thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chính thức vận hành từ ngày 19/7/2023 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; (iii) Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) đã tiến hành kiểm thử hệ thống công nghệ thông tin mới KRX, kỳ vọng sẽ đưa vào vận hành chính thức vào năm 2024... Tất cả việc này sẽ tạo nền tảng cơ sở để nhiều sản phẩm mới được triển khai, kết hợp với môi trường lãi suất thấp, dòng tiền có thể dịch chuyển sang thị trường chứng khoán.

Ngày 29/12/2023, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu tổng quát là phát triển thị trường chứng khoán ổn định, an toàn, lành mạnh, hiệu quả, bền vững, hội nhập; nâng cao khả năng chống chịu rủi ro, có cơ cấu hợp lý giữa các cấu phần thị trường, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng, chủ yếu cho nền kinh tế; duy trì tăng trưởng về quy mô, chú trọng nâng cao chất lượng; phát triển các công cụ tài chính xanh, tài chính bền vững; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực chứng khoán; xây dựng hệ thống quản lý, giám sát thị trường gắn với ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; tăng cường liên kết và hội nhập quốc tế, từng bước thu hẹp về khoảng cách phát triển giữa TTCK Việt Nam so với thị trường chứng khoán các nước phát triển; Các mục tiêu cụ thể về quy mô vốn hóa thị trường, dư nợ thị trường trái phiếu, tốc độ tăng trưởng

của thị trường chứng khoán phái sinh, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán, nâng cao chất lượng quản trị công ty niêm yết... Trong đó, mục tiêu đáng chú ý là phần đầu đến năm 2025 nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo tiêu chuẩn phân hạng thị trường chứng khoán của các tổ chức quốc tế.

Tính đến 31/12/2023: (i) Giá trị vốn hóa niêm yết sàn HOSE đạt hơn 4,55 triệu tỷ đồng, tăng 13.2% so với giá trị 4,02 triệu tỷ đồng đạt được vào cuối năm 2022 và (ii) chỉ số VNIndex đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,20% so với cuối năm 2022.

Trong năm 2023, khối lượng giao dịch bình quân phiên đạt 736,7 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch bình quân phiên 15.120 tỷ đồng; tương ứng tăng 12,62% về khối lượng bình quân và giảm 11,07% về giá trị bình quân so với năm 2022.

(b) Hoạt động kinh doanh năm của SMDS năm 2023

Trước các khó khăn, thách thức của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể các đơn vị, cán bộ nhân viên SMDS đã cùng nhau cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được HĐQT và ĐHCĐ giao, cụ thể:

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2022	Thực hiện 2023 so với kế hoạch 2023		Thực hiện 2023 so với thực hiện 2022	
					Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	217,17	172,34	716,94	44,83	126,01%	(499,77)	30,29%
1	Doanh thu hoạt động	217,06	172,34	709,97	44,72	125,95%	(492,91)	30,57%
1.1	Doanh thu tự doanh	130,59	93,33	108,90	37,26	139,92%	21,69	119,92%
1.3	Doanh thu môi giới	1,37	-	131,69	1,37		(130,32)	1,04%
1.3	Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ trái phiếu	79,70	79,01	460,17	0,69	100,88%	(380,47)	17,32%
1.4	Doanh thu hoạt động khác	5,40	-	9,21	5,40		(3,81)	58,61%
2	Doanh thu tài chính	0,08	-	0,92	0,08		(0,84)	9,00%
3	Thu nhập khác	0,03	-	6,06	0,03		(6,02)	0,56%
II	Chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý	92,60	71,98	297,59	20,62	128,64%	(204,99)	31,12%
III	Lợi nhuận trước thuế	124,21	100,36	411,69	23,85	123,76%	(287,48)	30,17%

Năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Điều hành hoạt động kinh doanh của SMDS bám sát chủ trương đã được HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra là duy trì hoạt động, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, chia sẻ khó khăn cùng đối tác chiến lược để duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, tối ưu hóa chi phí đồng thời quản trị tốt rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có lợi nhuận trong năm 2023. Trên cơ sở định hướng tập trung vào mảng hoạt động tự doanh và hoạt động cung cấp dịch vụ cho các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, SMDS đã nỗ lực trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh được giao và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra: Tổng doanh thu 2023 đạt 217,17 tỷ đồng, tăng 44,83 tỷ đồng, tương đương 126,01% so với kế hoạch. Trong đó, doanh thu tự doanh đạt 130,59 tỷ đồng, tăng 37,26 tỷ đồng, tương đương 139,92% so với kế hoạch; doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ cho các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (gồm: phí lưu ký chứng khoán, phí đại lý hành chính, phí đại diện người sở hữu trái phiếu và phí quản lý tài sản bảo đảm) đạt 79,7 tỷ đồng, tăng 0,69 tỷ đồng, tương đương 100,88% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 124,21 tỷ đồng, tăng 23,85 tỷ đồng, tương đương 123,76% so với kế hoạch. Kết quả đạt được là nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong việc tiết kiệm chi phí tối đa nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi.

Dù đã hoàn thành vượt kết quả kinh doanh năm 2023, nhưng so với năm 2022, doanh thu, lợi nhuận SMDS có sự sụt giảm đáng kể (doanh thu, lợi nhuận trước thuế tương ứng bằng 30,29% và 30,17% so với thực hiện năm 2022), tuy nhiên đây là điều mà ban lãnh đạo Công ty đã lường trước được. Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 217,17 tỷ đồng, giảm 499,77 tỷ đồng, bằng 30,29% so với doanh thu thực hiện năm 2022, trong đó, doanh thu hoạt động tự doanh tăng 21,69 tỷ đồng, đạt 119,92% so với thực hiện năm 2022; hoạt động cung cấp dịch vụ cho các tổ chức phát hành được duy trì trên cơ sở tiếp tục các chính sách giảm phí cho các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, doanh thu đạt 79,7 tỷ đồng, giảm 380,47 tỷ đồng, bằng 17,32% so với thực hiện năm 2022; doanh thu môi giới đạt 1,37 tỷ đồng, giảm 130,32 tỷ đồng, bằng 1,04% so với năm 2022, nguyên nhân của sự sụt giảm doanh thu môi giới là do Công ty thay đổi định hướng kinh doanh, không thực hiện hoạt động môi giới trái phiếu riêng lẻ trong năm 2023.

(c) Một số thành tựu khác của Ban Tổng Giám đốc SMDS trong năm 2023

Ban Tổng giám đốc đã điều hành SMDS đạt được một số thành tựu trong năm 2023:

- (i) Hoàn thành tốt việc tiếp Đoàn kiểm tra định kỳ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (thời kỳ kiểm tra từ ngày 01/01/2021 đến 31/05/2023);
- (ii) Hoàn thành tiếp 02 đoàn thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kiểm tra giao dịch cổ phiếu;
- (iii) Nâng cấp hệ thống giao dịch của Khách hàng, đưa vào hoạt động chính thức hệ thống (1) webtrading, bảng giá mới, app SmartMind với đầy đủ

tính năng, giao diện thân thiện, hiện đại; (2) hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ và bổ sung các tính năng cho hệ thống back office phục vụ hoạt động nghiệp vụ như công tác hậu kiểm mở tài khoản, tạo chiến dịch truyền thông sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng thông qua tính năng thông báo, hệ thống quản lý cộng tác viên...;

(iv) Hoàn thành thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.

10.2. Kế hoạch kinh doanh của SMDS năm 2024

(a) Mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đánh giá vẫn là một năm tiềm ẩn nhiều khó khăn chung đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Sức khỏe nền kinh tế luôn tác động trực tiếp đến thị trường chứng khoán do đó thị trường chứng khoán Việt Nam 2024 vẫn chưa được đánh giá là đã bước vào chu kỳ khởi sắc, tăng trưởng. Bên cạnh đó sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán về vốn chủ sở hữu, phí giao dịch, lãi suất cho vay margin chưa có dấu hiệu hạ nhiệt cũng là một thách thức không nhỏ trong hoạt động kinh doanh 2024 của SMDS. Ban Tổng Giám đốc tiếp tục duy trì góc nhìn thận trọng khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024, nỗ lực duy trì nhịp độ kinh doanh để đảm bảo kết quả kinh doanh vẫn có lợi nhuận, tiếp tục đổi mới hoạt động công nghệ, làm nền tảng tốt để Công ty tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

(b) Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2024

- (i) Tiếp tục duy trì và kiện toàn các hoạt động mang lại doanh thu chính cho SMDS: Hoạt động tự doanh.
- (ii) Mở rộng các hoạt động kinh doanh khác: hoạt động môi giới, hoạt động cung cấp dịch vụ margin/ứng trước, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp v.v..
- (iii) Nâng cao năng lực quản trị:
 - Hoàn thiện xây dựng các Quy trình/Quy định liên quan đến hoạt động Vận hành nghiệp vụ; Quản trị rủi ro; Công nghệ thông tin;
 - Tiếp tục kiểm soát tốt chi phí kinh doanh, chi phí hoạt động; và
 - Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, tối ưu và tăng năng suất lao động.
- (iv) Lấy hoạt động Công nghệ thông tin là nòng cốt trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng.

11. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SMDS

11.1. Bối cảnh chung

Thị trường chứng khoán năm 2023 có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ. Thị trường hưng phấn, tăng mạnh sau động thái cắt giảm lãi suất liên tiếp của Ngân hàng Nhà nước và phản ứng tiêu cực khi có động thái hút tiền từ cơ quan này để ổn định tỷ giá.

Năm 2023, thị trường chứng khoán nhìn chung diễn biến tích cực cho đến đầu tháng 9, có thời điểm VN-Index ghi nhận mức tăng gần 24% so với đầu năm, tại ngày 6/9/2023 đạt 1.245,50 điểm. Động lực chính là chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước, với 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, thị trường sau đó điều chỉnh, VN-Index mất hơn 200 điểm trong vòng gần 2 tháng. Thành quả của giai đoạn trước gần như tiêu tan sau nhịp điều chỉnh chủ yếu do yếu tố ngoại biên. Cụ thể, chỉ số DXY (đo lường sức mạnh đồng USD) tăng hơn 7% từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 10, tạo áp lực lên tỷ giá, dẫn đến Ngân hàng Nhà nước thực hiện biện pháp can thiệp là rút một lượng lớn tiền về hệ thống thông qua kênh tín phiếu. Trong khi đó, khối ngoại duy trì động thái bán ròng. Tâm lý nhà đầu tư nội bị ảnh hưởng khiến VN-Index giảm điểm, dù yếu tố vĩ mô trong nước vẫn tích cực (GDP quý III tăng 5,3%, quý IV tăng 6,72%, lạm phát được kiểm soát, lãi suất tiếp tục giảm...). Giai đoạn cuối năm, VN-Index dao động quanh ngưỡng 1.100 điểm, đóng cửa phiên 29/12/2023 tại 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022.

Năm 2023, Chính phủ cũng ban hành các quyết sách kịp thời và linh hoạt đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giải quyết các mối lo ngại về sự đổ vỡ dây chuyền của thị trường này. Cũng trong năm 2023, thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chính thức vận hành từ ngày 19/7/2023 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây được xem là một dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Việt Nam theo hướng minh bạch, lành mạnh, bền vững hơn.

Trước các thay đổi liên tục của thị trường chứng khoán, HĐQT SMDS đã kịp thời đưa ra các định hướng phù hợp, bám sát hoạt động điều hành theo tình hình thực tế, với mục tiêu đề ra là Công ty duy trì hoạt động, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, chia sẻ khó khăn cùng đối tác chiến lược để duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, tối ưu hóa chi phí đồng thời quản trị tốt rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có lợi nhuận trong năm 2023.

11.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2023

(a) Tổ chức, nhân sự của HĐQT

HĐQT của SMDS tại thời điểm ngày 31/12/2023 gồm có 03 thành viên, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT. Trong năm 2023, HĐQT có một số biến động về nhân sự, cụ thể là:

- (i) Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT là bà Đỗ Thị Định từ ngày 01/08/2023 và bầu ông Nguyễn Nam Hưng là Chủ tịch HĐQT đương nhiệm từ ngày 01/08/2023.
- (ii) Miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT là bà Nguyễn Thủy Nguyên từ ngày 31/07/2023.

Đến nay, HĐQT hoạt động với 03 thành viên, bao gồm:

- 1) Ông Nguyễn Nam Hưng - Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo Pháp luật và Giám đốc Điều hành;
 - 2) Bà Đỗ Thị Định – Thành viên HĐQT; và
 - 3) Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Thành viên HĐQT.
- (b) Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT năm 2023

HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết kịp thời các công việc quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp/việc lấy ý kiến của HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định pháp luật và nội bộ SMDS.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện 13 cuộc họp, 01 lần lấy ý kiến bằng văn bản, thông qua 14 Nghị quyết, chi tiết các cuộc họp của HĐQT năm 2023:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	18/01/2023	Thông qua Chính sách rủi ro năm 2023	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	03/03/2023	Nghị quyết Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc	100%
3	04/2023/NQ-HĐQT	14/03/2023	Nghị quyết Kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023	100%
4	05/2023/NQ-HĐQT	03/04/2023	Nghị quyết Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng	100%
5	06/2023/NQ-HĐQT	06/04/2023	Thông qua nội dung họp trình Đại hội cổ đông thường niên 2023	100%
6	07B/2023/NQ-HĐQT	30/05/2023	Thông qua và ban hành Chính sách "Kế hoạch dự phòng ứng phó cho các tình huống khẩn cấp (BCP)"	100%
7	07A/2023/NQ-HĐQT	05/06/2023	Miễn nhiệm Giám đốc Điều hành	100%
8	08/2023/KSS/NQ-HĐQT	05/06/2023	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành	100%
9	11/2023/NQ-HĐQT	06/06/2023	Quyết định hoạt động đầu tư của CTCP Chứng khoán KS	100%
10	12/2023/NQ-HĐQT	14/06/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023	100%
11	13/2023/NQ-HĐQT	10/07/2023	Thông qua nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
12	15/2023/NQ-HĐQT	01/08/2023	Thông qua việc thay đổi nhân sự cấp cao của KSS	100%
13	16/2023/NQ-HĐQT	20/09/2023	Phê duyệt Cơ cấu tổ chức, Chức năng nhiệm vụ và Ban hành Quy chế tài chính của KSS	100%
14	20/2023/NQ-HĐQT	06/11/2023	Thông qua việc thay đổi con dấu của Công ty	100%

(c) Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

Công tác giám sát hoạt động Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 tiếp tục được chú trọng đảm bảo tất cả các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT được thực hiện đầy đủ, có hiệu quả và rõ trách nhiệm;

HĐQT đã chỉ đạo và theo sát Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường và ĐHĐCĐ thường niên đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng, chiến lược dài hạn của SMDS, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của Công ty đã được thực hiện theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ;

Công tác quản trị Công ty của Ban Tổng Giám đốc được duy trì, củng cố và luôn đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và thực tiễn kinh doanh. Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

Ban Tổng Giám đốc xin ý kiến, tham vấn của HĐQT về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh trọng yếu cũng như định hướng hoạt động trong tương lai của SMDS trước khi thực hiện. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Ngoài ra, đối với các vấn đề mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá là nội dung quan trọng, đều báo cáo HĐQT sau khi thực hiện; và

HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT. Đối với kết quả kinh doanh năm 2023, HĐQT ghi nhận sự đóng góp và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên SMDS. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán, và tình hình nhân sự của SMDS biến động lớn, SMDS nỗ lực hoàn thành vượt kế hoạch được HĐQT và ĐHĐCĐ giao, cụ thể: Tổng doanh thu 2023 đạt 217,17 tỷ đồng, tăng 44,83 tỷ đồng,

tương đương 126,01% so với kế hoạch được giao. Trong đó, doanh thu tự doanh đạt 130,59 tỷ đồng, tăng 37,26 tỷ đồng, tương đương 139,92% so với kế hoạch; Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ cho các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (bao gồm: phí lưu ký chứng khoán, phí đại lý hành chính, phí đại diện người sở hữu trái phiếu và phí quản lý tài sản bảo đảm) đạt 79,7 tỷ đồng, tăng 0,69 tỷ đồng, tương đương 100,88% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 124,21 tỷ đồng, tăng 23,85 tỷ đồng, tương đương 123,76% so với kế hoạch được giao.

Chi tiết đánh giá các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu năm 2023:

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện 2023 so với kế hoạch 2023	
				Giá trị	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	217,17	172,34	44,83	126,01%
1	Doanh thu hoạt động	217,06	172,34	44,72	125,95%
1.1	<i>Doanh thu tự doanh</i>	130,59	93,33	37,26	139,92%
1.3	<i>Doanh thu môi giới</i>	1,37	-	1,37	
1.3	<i>Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ cho các tổ chức phát hành trái phiếu</i>	79,70	79,01	0,69	100,88%
1.4	<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	5,40	-	5,40	
2	Doanh thu tài chính	0,08	-	0,08	
3	Thu nhập khác	0,03	-	0,03	
II	Chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý	92,60	71,98	20,62	128,64%
III	Lợi nhuận trước thuế	124,21	100,36	23,85	123,76%

11.3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2024

- a) Năm 2024, HĐQT đánh giá vẫn là một năm tiềm ẩn nhiều khó khăn chung đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Nền kinh tế luôn tác động trực tiếp đến thị trường chứng khoán do đó thị trường chứng khoán Việt Nam 2024 vẫn chưa được đánh giá là đã bước vào chu kỳ khởi sắc, tăng trưởng. Bên cạnh đó sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán về vốn chủ sở hữu, phí giao dịch, lãi suất cho vay margin chưa có dấu hiệu hạ nhiệt cũng là một thách thức không nhỏ trong hoạt động kinh doanh 2024 của SMDS. HĐQT đồng ý với đề xuất của Ban Tổng Giám đốc về việc tiếp tục duy trì sự thận trọng khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm

2024, nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh để đảm bảo kết quả kinh doanh vẫn có lợi nhuận;

- b) Nâng cao chất lượng của bộ máy quản trị điều hành từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đến các lãnh đạo các đơn vị;
- c) Lấy công nghệ thông tin làm nòng cốt, phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ của SMDS;
- d) Với phương châm: “Lấy Khách hàng là trung tâm”, Công ty nghiên cứu triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu Khách hàng; Nâng cao chất lượng và tối ưu hóa nguồn nhân lực;
- e) Nghiêm túc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh và vận hành, góp phần đảm bảo sự bền vững, an ninh của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế nói chung; Tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ uy tín và phù hợp nhất; và
- f) Xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, hướng đến văn phòng “xanh” (tiết kiệm điện, giấy....).

12. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) TRONG NĂM 2023

12.1. Các hoạt động của BKS năm 2023

(a) Tổ chức BKS

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/12/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 thì thành viên BKS Công ty năm 2023, bao gồm:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng BKS	23/04/2021	
2	Nguyễn Thị Phụ	Thành viên BKS	01/01/2023	28/04/2023
3	Nguyễn Văn Việt	Thành viên BKS	01/01/2023	
4	Nghiêm Tuấn Dương	Thành viên BKS	28/04/2023	

(b) Các công tác đã thực hiện và thù lao năm 2023

Trong năm 2023, BKS đã duy trì các hoạt động thường xuyên như:

- (i) Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- (ii) Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2023;

- (iii) Giám sát tình hình tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty;
 - (iv) Thẩm tra các Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định của pháp luật hiện hành;
 - (v) Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ;
 - (vi) Trong năm, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện để BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. BKS thường xuyên làm việc với các đơn vị nghiệp vụ để chia sẻ, nắm bắt thông tin kịp thời, nâng cao hiệu quả kiểm soát; và
 - (vii) Trong năm 2023, BKS đã tổ chức họp 2 lần theo quy định tại Điều 289, Nghị định 155/2020/NĐ-CP với tỷ lệ thành viên tham dự và đồng thuận phù hợp theo quy định. Các thành viên BKS tham dự họp và ký biên bản theo đúng quy định.
- (c) Thù lao, lương và các lợi ích khác của BKS
- Thành viên BKS chưa nhận thù lao của năm 2021, 2022 và năm 2023. Lương và các lợi ích khác: không có.

12.2. Kết quả giám sát đối với HĐQT

- (a) HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty. Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp, 01 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 14 Nghị quyết. Các cuộc họp đều được ghi nhận bằng biên bản. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp theo quy định của pháp luật và của Công ty.
- (b) HĐQT đã chủ động đánh giá thị trường, bám sát tình hình kinh doanh của Công ty để định hướng và/hoặc điều chỉnh kịp thời hoạt động Công ty cùng Ban Tổng Giám đốc.
- (c) Trong năm 2023, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
 - (i) Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung họp ĐHCĐ thường niên, ĐHCĐ bất thường năm 2023;
 - (ii) Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các nhân sự thuộc HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - (iii) Thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm 2023 của Công ty;
 - (iv) Quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2023; và
 - (v) Các công việc khác theo thẩm quyền.

- (d) BKS đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm.

12.3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

- (a) Ban Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần quyết định vào việc Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Ban Tổng Giám đốc đã ban hành các quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ Công ty.
- (b) Trong năm, BKS không nhận được bất cứ khiếu kiện khiếu nại nào liên quan đến công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

12.4. Thẩm định Báo cáo Tài chính

- (a) Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập đầy đủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và gửi đúng hạn theo yêu cầu của các cơ quan quản lý.

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán. Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính, BKS nhất trí với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- (b) Kết quả kinh doanh

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện 2023 so với Kế hoạch 2023	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	217,17	172,34	44,83	126,01%
2	Lợi nhuận trước thuế	124,21	100,36	23,85	123,76%

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn với các doanh nghiệp Việt Nam. Mặc dù chịu nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì, bám sát chủ trương mà HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra. Tổng doanh thu Công ty đạt được 217,17 tỷ đồng, tăng 44,83 tỷ đồng và bằng 126,01% so với kế hoạch 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 124,21 tỷ đồng, tăng 23,85 tỷ đồng và bằng 123,76% so với kế hoạch được giao.

(c) Về tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch
1	Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản				
1.1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	98,15%	97,44%	0,72%
a	Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	1.628,52	1.746,25	(117,73)
b	Tổng tài sản	tỷ đồng	1.659,15	1.792,20	(133,05)
1.2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1,85%	2,56%	(0,72%)
a	Tài sản dài hạn	tỷ đồng	30,64	45,95	(15,31)
b	Tổng tài sản	tỷ đồng	1.659,15	1.792,20	(133,05)
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	2,83%	15,59%	(12,75%)
a	Nợ phải trả	tỷ đồng	46,99	279,34	(232,35)
b	Tổng nguồn vốn	tỷ đồng	1.659,15	1.792,20	(133,05)
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	97,17%	84,41%	12,75%
a	Nguồn vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	1.612,16	1.512,86	99,30
b	Tổng nguồn vốn	tỷ đồng	1.659,15	1.792,20	(133,05)
3	Khả năng thanh toán				
3.1	Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	41,02	6,39	34,63
a	Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	1.628,52	1.746,25	(117,73)
b	Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	39,70	273,22	(233,52)
3.2	Khả năng thanh toán tức thời = Tiền/Nợ ngắn hạn	Lần	1,28	0,15	1,14
a	Tiền	tỷ đồng	50,99	40,62	10,37
b	Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	39,70	273,22	(233,52)
4	Tỷ suất sinh lời				
4.1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	45,75%	46,31%	(0,56%)
a	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	99,30	328,76	(229,46)
b	Doanh thu thuần	tỷ đồng	217,06	709,97	(492,91)
4.2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,16%	21,73%	(15,57%)
a	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	99,30	328,76	(229,46)
b	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	1.612,16	1.512,86	99,30

(i) Cơ cấu tài sản

Tại 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty là 1.659,15 tỷ đồng, giảm 133,05 tỷ đồng, tương đương 92,58% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng tài sản ngắn hạn là 1.628,52 tỷ đồng chiếm 98,15% tổng tài sản, giảm 117,73 tỷ đồng, tương ứng giảm 6,74% so với năm 2022. Nguyên nhân là do năm 2023 SMDS thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản ngắn hạn là các khoản đầu tư tài chính với giá trị là 1.447,77 tỷ đồng, chiếm 88,90%.
- Tổng tài sản dài hạn là 30,64 tỷ đồng, chiếm 1,85% tổng tài sản, giảm 15,31 tỷ đồng, tương ứng giảm 27,98% so với năm 2022, do 2023 Công ty hầu như không mua sắm tài sản mới và chỉ phát sinh khấu hao tài sản trong kỳ.

(ii) Cơ cấu nguồn vốn

Tại 31/12/2023, tổng nguồn vốn của Công ty là 1.659,15 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

- Tổng nợ phải trả là 46,99 tỷ đồng, chiếm 2,83% tổng nguồn vốn, giảm 232,35 tỷ đồng, tương ứng giảm 83,18% so với năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, là 39,70 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản nợ chưa đến kỳ thanh toán như các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải trả cán bộ nhân viên, phải trả người bán.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.612,16 tỷ đồng, chiếm 97,17% tổng nguồn vốn, trong đó, lợi nhuận chưa phân phối của Công ty là 590,56 tỷ đồng, tăng 99,30 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

(iii) Về khả năng thanh toán

Trong năm 2023, các chỉ số thanh toán của Công ty đều đảm bảo khả năng tài chính sẵn sàng thanh toán cho các nghĩa vụ trả nợ ngắn hạn, tình hình tài chính của doanh nghiệp được duy trì ổn định, an toàn.

(iv) Về tỷ suất sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) của Công ty năm 2023 đạt 45,75%, giảm 0,56% so với năm 2022 cho thấy hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí, tối đa lợi nhuận của Công ty có giảm nhẹ so với năm 2022.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty năm 2023 đạt 6,16%, giảm 15,57% so với năm 2022, cho thấy hiệu suất sử dụng vốn của Công ty đang giảm so với năm 2022.

(v) Về giao dịch giữa Công ty và Bên liên quan

Giao dịch với Bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2023 được thuyết minh theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán. Các giao dịch đã được xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

12.5. Đề xuất và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS

(a) Đề xuất của BKS

- (i) Năm 2024, BKS đánh giá vẫn là một năm tiềm ẩn nhiều khó khăn đối với nền kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Bên cạnh đó sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán về vốn chủ sở hữu, phí giao dịch, lãi suất cho vay margin chưa có dấu hiệu hạ nhiệt cũng là một thách thức không nhỏ trong hoạt động kinh doanh 2024 của SMDS. BKS đồng ý với kiến nghị của Ban lãnh đạo Công ty về việc tiếp tục duy trì góc nhìn thận trọng khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024, nỗ lực duy trì nhịp độ kinh doanh để đảm bảo kết quả kinh doanh vẫn có lợi nhuận, tiếp tục đổi mới hoạt động công nghệ, làm nền tảng tốt để Công ty tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tiếp theo. BKS đề nghị HĐQT sẽ có thêm những biện pháp mới, chỉ đạo mới hiệu quả hơn nữa để định hướng kế hoạch hành động cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt hơn các mục tiêu kế hoạch trong năm 2024.
 - (ii) Bên cạnh đó, tiếp tục kiện toàn hoạt động kiểm soát nội bộ của Phòng Quản trị rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ.
- (b) Kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS
- (i) BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo Quy chế hoạt động của BKS.
 - (ii) Thực hiện kiểm soát hoạt động 6 tháng/lần và bất thường (nếu cần thiết).
 - (iii) Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024.
 - (iv) Ngoài ra, sẽ thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.

13. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc là 7.025.293.324 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ không trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tư đồng*).

14. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trích xuất từ Báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023

14.1. Ý kiến kiểm toán




Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vincomex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 8000
Fax: +84 24 6288 5578
www.deloitte.com/vn

Số: 0880/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán KS) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

3

11/07/2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Hồng Dương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

Đào Đức Anh Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4202-2023-001-1

112
Đ
N
H
M
T
J
O
I
T
Đ
A

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

14.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
 Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B01-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		1.628.516.830.930	1.746.251.279.451
I. Tài sản tài chính	110		1.624.023.840.626	1.739.601.100.682
1. Tiền	111	4	50.987.432.080	40.620.449.915
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6	1.443.715.245.777	1.004.671.072.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6	4.050.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	6	94.998.733.305	542.531.797
5. Các khoản phải thu	117		29.529.258.511	690.393.134.577
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	7	-	688.764.974.000
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7	29.529.258.511	1.628.160.577
5.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	7	29.529.258.511	1.628.160.577
6. Trả trước cho người bán	118		168.889.817	315.693.730
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7	17.428.700	706.885.100
8. Các khoản phải thu khác	122	7	556.852.436	2.351.333.563
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		4.492.990.304	6.650.178.769
1. Tạm ứng	131		23.500.000	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	8	2.802.354.551	3.537.181.636
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	240.750.868
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		1.667.135.753	2.872.246.265
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		30.635.838.072	45.947.624.679
I. Tài sản cố định	220		25.917.487.712	38.839.774.567
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	12.949.752.716	20.720.578.328
- Nguyên giá	222		26.529.066.663	26.493.530.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(13.579.313.947)	(5.772.951.971)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.967.734.996	18.119.196.239
- Nguyên giá	228		28.180.907.272	26.316.507.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(15.213.172.276)	(8.197.311.033)
II. Tài sản dài hạn khác	250		4.718.350.360	7.107.850.112
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		67.971.250	672.150.920
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	8	2.490.933.635	5.119.707.057
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	2.159.445.475	1.315.992.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.659.152.669.002	1.792.198.904.130

HỌ TÊN
 AI T
 KH
 HOI

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
 Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B01-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		46.987.717.101	279.337.815.660
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		39.697.732.141	273.221.544.660
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	12	-	24.642.942.157
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	24.642.942.157
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		10.598.540	120.143.486
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	13	3.054.041.874	8.845.386.314
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	14	26.046.764.345	9.677.668.432
5. Phải trả người lao động	323		4.622.570.259	6.634.204.889
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		80.482.950	302.521.600
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	15	534.569.353	14.472.450.824
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	16	1.076.468.363	204.017.507.075
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	105.492.009	341.975.435
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		4.166.744.448	4.166.744.448
II. Nợ phải trả dài hạn	340		7.289.984.960	6.116.271.000
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	26	7.289.984.960	6.116.271.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.612.164.951.901	1.512.861.088.470
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.612.164.951.901	1.512.861.088.470
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.618.277.150	10.618.277.150
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		10.618.277.150	10.618.277.150
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		590.555.367.601	491.251.504.170
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		561.395.427.761	466.786.420.170
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		29.159.939.840	24.465.084.000
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		1.659.152.669.002	1.792.198.904.130

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
 Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B01-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		100.037.303	100.037.303
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	19.1	63.771.820.000	17.475.060.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		63.771.820.000	17.475.060.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	19.2	1.016.591.800.000	861.300.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19.3	19.674.224.220.000	3.907.998.360.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		16.434.696.390.000	1.665.678.460.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		62.830.000	101.990.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		3.239.455.520.000	2.238.596.330.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		380.000	380.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		9.100.000	3.621.200.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	19.4	730.000	62.510.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		730.000	62.510.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	19.5	4.910.000	23.480.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B01-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)				
4.1 Tiền gửi của khách hàng	026	19.6	63.536.811.237	5.197.030.778
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		4.659.696.462	5.156.367.828
4.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		13.007.132	12.891.362
4.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		58.864.107.643	27.771.588
5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	19.7	4.672.703.594	5.169.259.190
5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.657.955.578	4.713.496.908
5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		14.748.016	455.762.282
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		58.864.107.643	27.771.588

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Người lập

Trần Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B02-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	20	130.143.052.343	103.054.046.225
a. Lãi bán các tài sản tài chính (FVTPL)	01.1	20.1	67.362.482.039	109.310.897.107
b. Chênh lệch tổng đánh giá lại các tài sản tài chính (FVTPL)	01.2	20.2	8.393.245.800	(17.824.561.200)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính (FVTPL)	01.3	20.3	54.387.324.504	11.567.710.318
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	20.3	451.403.560	5.849.404.110
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	20.3	4.503.490.662	8.755.205.365
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	20.4	1.366.151.059	131.689.962.556
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	20.4	44.139.375.173	361.756.428.725
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11	20.4	36.451.778.556	98.862.512.080
Cộng doanh thu hoạt động (20=01)	20		217.055.251.353	709.967.559.061
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		2.524.676.000	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	20.2	2.524.676.000	-
2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	21	2.280.394.775	134.190.228.926
2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		2.157.126.467	6.009.775.805
2.4. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	180.686.505
Cộng chi phí hoạt động (40=21+27+30+32)	40		6.962.197.242	140.380.691.236
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		82.860.752	699.019.138
3.2. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	221.313.854
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50	22	82.860.752	920.332.992
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		563.924.871	9.998.611.675
4.2. Chi phí tài chính khác	55		-	5.752.416.753
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	23	563.924.871	15.751.028.428

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
 Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


MẪU SỐ B02-CTCK

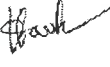
Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	24	85.069.609.179	141.457.354.354
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		124.542.380.813	413.298.818.035
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71	25	33.750.230	6.056.617.157
7.2. Chi phí khác	72	25	368.131.332	7.669.173.541
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		(334.381.102)	(1.612.556.384)
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		124.207.999.711	411.686.261.651
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		118.339.429.911	429.510.822.851
8.2. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	92		5.868.569.800	(17.824.561.200)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		24.904.136.280	82.926.596.808
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	26	23.730.422.320	86.491.509.048
9.2. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	100.2	26	1.173.713.960	(3.564.912.240)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		99.303.863.431	328.759.664.843
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		993	3.286
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	27	993	3.286
11.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		993	3.286


 Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
 Người lập


 Trần Thị Kim Đan
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Đức Minh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
 Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B03-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	124.207.999.711	411.686.261.651
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(14.225.971.173)	11.929.251.655
Khấu hao tài sản cố định	03	14.822.223.219	8.949.996.041
(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05	-	1.750.317.808
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	06	563.924.871	9.998.611.675
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(82.860.752)	(770.547.002)
Dự thu tiền lãi	08	(29.529.258.511)	(1.628.160.577)
Các khoản điều chỉnh khác	09	-	(6.370.966.290)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	2.524.676.000	17.824.561.200
Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	2.524.676.000	17.824.561.200
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(8.393.245.800)	-
Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(8.393.245.800)	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(68.103.598.052)	(598.336.872.317)
(Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(433.175.603.977)	(32.912.017.000)
(Giảm)/ Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(4.050.000.000)	115.500.000.000
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay	33	(94.456.201.508)	400.098.960
Giảm/ (Tăng) phải thu bán các tài sản tài chính	35	688.764.974.000	(688.764.974.000)
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	1.711.021.329	2.607.166.394
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	689.456.400	48.568.383.185
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu khác	39	3.750.575.222	(1.124.440.263)
(Tăng)/Giảm các tài sản khác	40	(23.500.000)	240.050.000
(Giảm)/Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(12.127.062.844)	11.904.581.080
Giảm chi phí trả trước	42	3.363.600.507	1.174.502.906
Thuế TNDN đã nộp	43	-	(124.495.121.176)
Lãi vay đã trả	44	(2.374.743.498)	(8.196.847.026)
(Giảm) phải trả cho người bán	45	(6.691.344.440)	(5.796.386.121)
(Giảm)/Tăng các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	(222.038.650)	213.508.400
(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(7.120.575.539)	(6.470.827.368)
(Giảm) phải trả người lao động	48	(2.011.634.630)	(34.298.266.490)
(Giảm)/Tăng phải trả, phải nộp khác	50	(203.287.067.084)	124.094.483.076
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(843.453.340)	(980.766.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	36.009.860.686	(156.896.797.811)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B03-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(999.936.364)	(19.419.578.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(999.936.364)	(19.419.578.642)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền vay gốc	73	9.907.088.979	836.718.342.208
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(34.550.031.136)	(927.838.601.751)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(24.642.942.157)	(91.120.259.543)
IV. Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm	90	10.366.982.165	(267.436.635.996)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	40.620.449.915	308.057.085.911
Tiền	101.1	40.620.449.915	308.057.085.911
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	50.987.432.080	40.620.449.915
Tiền	103.1	50.987.432.080	40.620.449.915

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
 Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B03-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (Theo phương pháp trực tiếp)


Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Số tiền	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	790.866.478.730	4.497.713.440.910
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(377.270.902.672)	(4.489.290.095.128)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(406.649.309.566)	(389.540.762.785)
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(6.609.325.915)	-
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(833.496.173)	(445.642.574)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	5.132.382.017.891	3.508.119.073.815
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(5.073.545.681.836)	(3.508.137.988.305)
Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm	20	58.339.780.459	(381.581.974.067)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	5.197.030.778	386.779.004.845
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	5.197.030.778	386.779.004.845
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	5.156.367.828	377.152.969.205
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	12.891.362	9.579.349.562
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	27.771.588	46.686.078
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40	63.536.811.237	5.197.030.778
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	63.536.811.237	5.197.030.778
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	4.659.696.462	5.156.367.828
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	18.007.132	12.891.362
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	58.859.107.643	27.771.588


 Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
 Người lập


 Trần Thị Kim Đan
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Đức Minh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B04-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Biến động vốn chủ sở hữu	1.190.472.389.917	1.512.861.088.470	343.019.313.803	20.630.615.250	99.303.863.431	-	1.512.861.088.470	1.612.164.951.901
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.373.030.000	1.000.373.030.000	-	-	-	-	1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.000.373.030.000	1.000.373.030.000	-	-	-	-	1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.618.277.150	10.618.277.150	-	-	-	-	10.618.277.150	10.618.277.150
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	10.618.277.150	10.618.277.150	-	-	-	-	10.618.277.150	10.618.277.150
4. Lợi nhuận chưa phân phối	168.862.805.617	491.251.504.170	343.019.313.803	20.630.615.250	99.303.863.431	-	491.251.504.170	590.555.367.601
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	130.138.072.657	466.786.420.170	343.019.313.803	6.370.966.290	94.609.007.591	-	466.786.420.170	561.395.427.761
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	38.724.732.960	24.465.084.000	-	14.259.648.960	4.694.855.840	-	24.465.084.000	29.159.939.840
	1.190.472.389.917	1.512.861.088.470	343.019.313.803	20.630.615.250	99.303.863.431		1.512.861.088.470	1.612.164.951.901


Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Người lập


Trần Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng


Nguyễn Đức Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
Tầng 1 Và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Tầm Nhìn, vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 12.000.000.000 VND. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KS theo Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 3 năm 2021. Ngày 18 tháng 10 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 83/GPĐC-UBCK về việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán KS thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind. Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 10 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1 và tầng 6, tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Real Tech.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 87 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 150 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC (“Thông tư 121”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - f) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không sở hữu công ty quản lý quỹ nào.
- Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được lập theo phương pháp trực tiếp của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để phục vụ mục đích so sánh với số liệu năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua đi bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - Tại thời điểm ghi nhận có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Tài sản tài chính này là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào khoản mục chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/ giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hoá được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá hoặc số dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu từ bán tài sản tài chính, lãi dự thu các tài sản tài chính và các khoản phải thu khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa lãi từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm và tài sản cố định vô hình khác. Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 - 15 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí phần mềm, cước viễn thông, công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian trả trước phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản phải trả về phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính FVTPL, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu và lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B09-CTCK

Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân theo số lượng các tài sản tài chính bán ra.

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản thu liên quan đến doanh thu nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý của Công ty Chứng khoán

Chi phí quản lý của Công ty Chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông theo điều lệ Công ty. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi/lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	50.987.432.080	40.620.449.915
	50.987.432.080	40.620.449.915

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	4.629.676	286.363.940.000
	4.629.676	286.363.940.000
Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	102.148.063	1.168.130.283.360
Trái phiếu	14	1.445.009
Chứng khoán khác	200	2.940.000
	102.148.277	1.168.134.668.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu niêm yết	373.739.240.000	410.189.164.800	87.375.300.000	117.956.655.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.033.526.080.977	1.033.526.080.977	886.714.417.000	886.714.417.000
Tổng cộng	1.407.265.320.977	1.443.715.245.777	974.089.717.000	1.004.671.072.000

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công cụ thị trường tiền tệ	4.050.000.000	không áp dụng	-	không áp dụng
Tổng cộng	4.050.000.000			

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay				
Cho vay hoạt động Margin	94.998.733.305	không áp dụng	542.224.830	không áp dụng
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	-	không áp dụng	306.967	không áp dụng
Tổng cộng	94.998.733.305		542.531.797	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị: VND

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại	
				Tăng	Giảm
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.407.265.320.977	1.443.715.245.777	36.449.924.800	-
1	Cổ phiếu niêm yết	373.739.240.000	410.189.164.800	36.449.924.800	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết	1.033.526.080.977	1.033.526.080.977	-	-
II	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.050.000.000	không áp dụng		
1	Công cụ thị trường tiền tệ	4.050.000.000	không áp dụng		
III	Các khoản cho vay và phải thu	94.998.733.305	không áp dụng		
	Tổng cộng	1.506.314.054.282		36.449.924.800	-

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại	
				Tăng	Giảm
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	974.089.717.000	1.004.671.072.000	30.581.355.000	-
1	Cổ phiếu niêm yết	87.375.300.000	117.956.655.000	30.581.355.000	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết	886.714.417.000	886.714.417.000	-	-
II	Các khoản cho vay và phải thu	542.531.797	không áp dụng		
	Tổng cộng	974.632.248.797		30.581.355.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 809-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư	-	688.764.974.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	29.529.258.511	1.628.160.577
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	17.428.700	706.885.100
4. Phải thu khác	556.852.436	2.351.333.563
- Phải thu từ thanh lý tài sản	-	932.177.484
- Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng chứng khoán	554.000.524	602.263.638
- Khác	2.851.912	816.892.441
	30.103.539.647	693.451.353.240

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí phần mềm và cước viễn thông	2.298.070.400	1.780.484.830
- Công cụ dụng cụ	11.991.666	703.640.928
- Chi phí khác	492.292.485	1.053.055.878
	2.802.354.551	3.537.181.636
Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	525.779.187	2.809.064.528
- Chi phí phần mềm và cước viễn thông	104.039.447	780.464.005
- Chi phí khác	1.861.115.001	1.530.178.524
	2.490.933.635	5.119.707.057

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	23.826.645.906	1.860.000.000	806.884.393	26.493.530.299
Mua sắm trong năm	-	-	35.536.364	35.536.364
Số dư cuối năm	23.826.645.906	1.860.000.000	842.420.757	26.529.066.663
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	5.016.440.745	457.287.715	299.223.511	5.772.951.971
Khấu hao trong năm	7.213.763.032	313.954.380	278.644.564	7.806.361.976
Số dư cuối năm	12.230.203.777	771.242.095	577.868.075	13.579.313.947
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	18.810.205.161	1.402.712.285	507.660.882	20.720.578.328
Tại ngày cuối năm	11.596.442.129	1.088.757.905	264.552.682	12.949.752.716

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.861.580.279 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 333.690.279 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tài sản cố định vô hình khác		Tổng cộng VND
	Phần mềm VND	VND	
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	25.459.551.000	856.956.272	26.316.507.272
Mua sắm trong năm	1.864.400.000	-	1.864.400.000
Số dư cuối năm	27.323.951.000	856.956.272	28.180.907.272
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	7.377.396.836	819.914.197	8.197.311.033
Khấu hao trong năm	6.978.819.168	37.042.075	7.015.861.243
Số dư cuối năm	14.356.216.004	856.956.272	15.213.172.276
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	18.082.154.164	37.042.075	18.119.196.239
Tại ngày cuối năm	12.967.734.996	-	12.967.734.996

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.526.834.272 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 967.502.000 VND).

11. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	1.826.867.940	983.414.600
Tiền lãi phân bổ hàng năm	212.577.535	212.577.535
	2.159.445.475	1.315.992.135

12. VAY NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay cá nhân	24.642.942.157	10.520.481.930	35.163.424.087	-
Tổng cộng	24.642.942.157	10.520.481.930	35.163.424.087	-

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ thuê văn phòng và tiền điện, nước	1.695.210.000	299.702.475
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ phần mềm	996.600.000	297.111.192
Phải trả nhà cung cấp thi công cải tạo văn phòng	44.940.175	576.527.919
Phải trả nhà cung cấp thiết bị đầu tư trung tâm dữ liệu	-	6.135.309.160
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ thiết kế website và ấn phẩm văn phòng	-	682.000.000
Phải trả nhà cung cấp khác	317.291.699	854.735.568
	3.054.041.874	8.845.386.314

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ 809-CTCK

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.858.176.055	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.188.588.290	9.677.588.522
Thuế GTGT phải nộp	-	79.910
	26.046.764.345	9.677.668.432

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí giao dịch	156.299.980	-
Chi phí thuê văn phòng	97.989.402	11.364.575.753
Chi phí lãi vay	-	1.810.818.627
Chi phí nâng cấp hệ thống RAM máy chủ	-	932.431.000
Chi phí phải trả khác	280.279.971	364.625.444
	534.569.353	14.472.450.824

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phí quản lý tài sản bảo đảm	1.076.468.363	33.885.038.075
Phí lưu ký	-	157.530.417.000
Phí đại diện người sở hữu trái phiếu	-	12.602.052.000
	1.076.468.363	204.017.507.075

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả máy tính bảng	-	42.547.000
Hoa hồng phải trả Cộng tác viên	-	47.815.997
Phải trả, phải nộp khác	105.492.009	251.612.438
	105.492.009	341.975.435

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	1.000.373.030.000	10.618.277.150	10.618.277.150	168.862.805.617	1.190.472.389.917
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	328.759.664.843	328.759.664.843
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	6.370.966.290	6.370.966.290
Số dư cuối năm trước	1.000.373.030.000	10.618.277.150	10.618.277.150	491.251.504.170	1.512.861.088.470
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	99.303.863.431	99.303.863.431
Số dư cuối năm nay	1.000.373.030.000	10.618.277.150	10.618.277.150	590.555.367.601	1.612.164.951.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	100.037.303	100.037.303
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	100.037.303
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	100.037.303

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

19.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	63.771.820.000	17.475.060.000
	63.771.820.000	17.475.060.000

19.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trái phiếu doanh nghiệp	1.012.541.800.000	861.300.000.000
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	4.050.000.000	-
	1.016.591.800.000	861.300.000.000

19.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	15.434.696.390.000	1.665.678.460.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	62.830.000	101.990.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.239.455.520.000	2.238.596.330.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	380.000	380.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	9.100.000	3.621.200.000
	19.674.224.220.000	3.907.998.360.000

19.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	730.000	62.510.000
	730.000	62.510.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

19.5 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu trên sàn HOSE	4.910.000	23.480.000
	4.910.000	23.480.000

19.6 Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	4.646.096.997	4.701.744.707
Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	13.599.465	454.623.121
Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	13.007.132	12.891.362
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	58.864.107.643	27.771.588
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	63.536.811.237	5.197.030.778

19.7 Phải trả nhà đầu tư của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.672.703.594	5.169.259.190
1.1. Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.657.955.578	4.713.496.908
1.2. Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.748.016	455.762.282
	4.672.703.594	5.169.259.190

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

20. THU NHẬP

20.1 Lãi bán các tài sản tài chính

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Trái phiếu chưa niêm yết	37.560.028	3.956.662.550.345	3.889.300.068.306	67.362.482.039	108.761.187.368
2	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	549.709.739
					67.362.482.039	109.310.897.107

20.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị: VND

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm VND	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm VND	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.407.265.320.977	1.443.715.245.777	36.449.924.800	8.393.245.800	2.524.676.000	30.581.355.000
1	Cổ phiếu niêm yết	373.739.240.000	410.189.164.800	36.449.924.800	8.393.245.800	2.524.676.000	30.581.355.000
	<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG</i>	194.635.300.000	232.297.400.800	37.662.100.800	7.080.745.800	-	30.581.355.000
	<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE</i>	15.000.000.000	16.312.500.000	1.312.500.000	1.312.500.000	-	-
	<i>Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes</i>	164.103.940.000	161.579.264.000	2.524.676.000	-	2.524.676.000	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết	1.033.526.080.977	1.033.526.080.977	-	-	-	-
II	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.050.000.000	không áp dụng	-	-	-	-
1	Công cụ thị trường tiền tệ	4.050.000.000	không áp dụng	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	94.998.733.305	không áp dụng	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.506.314.054.282		36.449.924.800	8.393.245.800	2.524.676.000	30.581.355.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

20. THU NHẬP (Tiếp theo)

20.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, phải thu và cho vay

	Năm nay VND	Năm trước VND	
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	54.387.324.504	11.567.710.318	
<i>Trái phiếu không niêm yết</i>	<i>54.387.324.504</i>	<i>11.567.710.318</i>	
Từ tài sản tài chính HTM	451.403.560	5.849.404.110	
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	4.503.490.662	8.755.205.365	
<i>Lãi cho vay giao dịch ký quỹ</i>	<i>4.503.430.784</i>	<i>8.528.841.959</i>	
<i>Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng</i>	<i>59.878</i>	<i>226.363.406</i>	
	59.342.218.726	26.172.319.793	

20.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.366.151.059	131.689.962.556
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	44.139.375.173	361.756.428.725
Thu nhập hoạt động khác	36.451.778.556	98.862.512.080
	81.957.304.788	592.308.903.361

21. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	571.155.742	125.926.423.917
Chi phí vật tư đồ dùng	8.305.552	117.995.672
Chi phí khấu hao	657.520.048	665.942.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.042.033.433	4.215.800.283
Chi phí bằng tiền khác	1.380.000	3.264.066.618
	2.280.394.775	134.190.228.926

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	82.860.752	699.019.138
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	221.313.854
	82.860.752	920.332.992

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	563.924.871	9.998.611.675
Chi phí đầu tư khác	-	5.752.416.753
	563.924.871	15.751.028.428

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	42.753.847.590	83.646.640.897
Chi phí vật tư đồ dùng	64.196.177	232.213.505
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.563.740.095	4.562.854.299
Chi phí khấu hao	14.164.703.171	8.284.053.605
Chi phí thuế, phí và lệ phí	24.843.009	70.436.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.815.793.051	36.563.545.987
Chi phí khác	3.682.486.086	8.097.609.070
	85.069.609.179	141.457.354.354

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập từ truy thu hoa hồng các hợp đồng trái phiếu thanh lý trước hạn	-	4.163.810.657
Thu nhập từ thanh lý tài sản	15.000.000	1.681.925.686
Thu nhập khác	18.750.230	210.880.814
	33.750.230	6.056.617.157

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
CHI PHÍ KHÁC		
Chi phí phạt đối với các hợp đồng trái phiếu thanh lý trước hạn	-	4.975.015.424
Giá trị còn lại của tài sản cố định, công cụ dụng cụ thanh lý	-	1.155.716.666
Truy thu và phạt chậm nộp thuế	28.128.429	1.494.660.337
Chi phí khác	340.002.903	43.781.114
	368.131.332	7.669.173.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 809-CTCK

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	124.207.999.711	411.686.261.651
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	276.223.448	1.783.884.606
Chênh lệch thuần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(5.868.569.800)	17.824.561.200
Thu nhập chịu thuế	118.615.653.359	431.294.707.457
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.723.130.671	86.258.941.491
Các khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.291.649	232.567.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.730.422.320	86.491.509.048

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	8.393.245.800	(17.824.561.200)
Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	(2.524.676.000)	-
Các khoản chênh lệch tạm thời khi tính thuế	5.868.569.800	(17.824.561.200)
Thuế suất tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm	1.173.713.960	(3.564.912.240)

Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	6.116.271.000	9.681.183.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá tài sản tài chính FVTPL	1.173.713.960	(3.564.912.240)
Số dư cuối năm	7.289.984.960	6.116.271.000

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	99.303.863.431	328.759.664.843
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	100.037.303	100.037.303
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	993	3.286

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư chủ yếu với Công ty trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Real Tech (Trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance)	Công ty mẹ	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ Unicloud	Cùng Công ty mẹ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Không còn là Bên liên quan	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần KS Group	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	Không còn là Bên liên quan	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	Không còn là Bên liên quan	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	Không còn là Bên liên quan	Không còn là Bên liên quan từ ngày 08 tháng 10 năm 2022
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Business	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt	Chưa là Bên liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ 809-CTCK

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phí dịch vụ trái phiếu	22.855.467.000	144.752.940.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	9.312.332.000	53.693.012.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	7.507.620.000	45.220.547.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	2.108.056.000	7.479.452.000
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	1.832.651.000	12.233.216.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	1.813.702.000	25.617.124.000
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Business	281.106.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Không còn là Bên liên quan	509.589.000
Doanh thu phí môi giới	-	126.723.630.207
Công ty Cổ phần KS Group	-	124.103.520.618
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	-	2.620.109.589
Thu nhập hoạt động khác	613.870.672	-
Công ty Cổ phần KS Group	613.870.672	-
Bán tài sản tài chính	3.956.662.550.345	9.048.195.665.387
Công ty Cổ phần KS Group	3.956.662.550.345	9.048.195.665.387
Mua tài sản tài chính	4.102.864.007.577	9.625.966.027.932
Công ty Cổ phần KS Group	4.102.864.007.577	9.211.994.603.932
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	-	413.971.424.000
Nhận lãi trái phiếu	17.165.000.000	49.709.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	6.540.000.000	26.400.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	5.610.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	5.015.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Không còn là Bên liên quan	-
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	-	17.105.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	-	6.204.000.000
Chi phí thuê và dịch vụ quản lý văn phòng	-	1.820.590.385
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	Không còn là Bên liên quan	1.820.590.385
Thu chi hộ	5.019.737.644	11.717.771.298
Công ty Cổ phần KS Group	5.019.737.644	11.310.940.900
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	-	406.830.398
Mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định	-	1.449.994.256
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	-	1.241.904.438
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	-	133.308.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ Unicloud	-	74.781.818

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ 809-CTCK

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã có số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu từ bán tài sản tài chính	-	688.764.974.000
Công ty Cổ phần KS Group	-	688.764.974.000
Các khoản phải thu khác	571.340.324	1.022.355.002
Công ty Cổ phần KS Group	554.000.524	500.026.302
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Business	17.339.800	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Không còn là Bên liên quan	522.328.700
Các khoản phải trả	143.972.640	720.500.559
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	143.972.640	143.972.640
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Không còn là Bên liên quan	576.527.919
Doanh thu chưa thực hiện	-	60.874.827.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	-	28.563.528.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	-	19.368.492.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	-	9.951.027.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	-	2.991.780.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và lương, thưởng của Tổng Giám đốc	5.944.697.553	12.619.469.628

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến giá trị của các tài sản tài chính Công ty đang nắm giữ và/hoặc ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty. Công ty thiết lập cơ chế quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, đồng thời vẫn tối ưu hóa lợi nhuận thu được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

• **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là khả năng mà Công ty phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận hoặc các tổn thất liên quan đến tài sản do sự biến động của lãi suất. Sự không cân xứng về kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ, việc tài trợ tài sản nợ, việc tái đầu tư và các rủi ro giảm giá trị tài sản.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách tối thiểu hóa khoảng cách kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất trong khi vẫn thu được lợi ích cho Công ty.

Các tài sản nợ và tài sản có chịu lãi suất của Công ty như khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do biến động lãi suất là không đáng kể.

• **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ danh mục cổ phiếu niêm yết do Công ty nắm giữ. Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư đều được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết của Công ty là 410.189.164.800 VND. Nếu giá thị trường của cổ phiếu công ty nắm giữ tăng/giảm một giá trị nhất định so với giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng tăng/giảm với giá trị tương ứng.

• **Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của các luồng tiền trong tương lai (phát sinh từ các tài sản tài chính, khoản phải thu, nợ phải trả...) thay đổi do biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không nắm giữ tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia hợp đồng với Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/hoàn trả theo cam kết đã ký với Công ty, dẫn đến tổn thất tài chính. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

• **Số dư với ngân hàng**

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ thế chấp.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có rủi ro trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng này.

58
3 T
4 H
7 O
1 T
NÁ
1 K

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

• **Tài sản tài chính**

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ của các tổ chức phát hành có uy tín. Mọi khoản đầu tư đều phải có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Việc đo lường và giám sát rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư này được lượng hóa và định kỳ báo cáo Ban Tổng Giám đốc.

• **Ứng trước tiền bán chứng khoán**

Ứng trước tiền bán chứng khoán là Công ty ứng trước cho khách hàng vay số tiền bán chứng khoán khách hàng sẽ được nhận từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sau 2 ngày làm việc kể từ ngày bán thành công chứng khoán. Khi tiền bán chứng khoán về tài khoản chứng khoán của khách hàng, Công ty sẽ tự động thực hiện thu hồi khoản ứng trước. Như vậy rủi ro tín dụng của các khoản ứng trước này không dựa trên khả năng thanh toán của khách hàng mà dựa trên khả năng thanh toán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là rất thấp.

• **Cho vay ký quỹ**

Cho vay ký quỹ tại Công ty được thực hiện theo quy định của Quyết định số 87/QĐ-UBCK ("Quyết định 87") do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017 về quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán, theo đó Công ty cho khách hàng vay ký quỹ để mua chứng khoán trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty. Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty được xác định theo phương pháp luận khoa học, đánh giá được mức độ rủi ro của các chứng khoán, đồng thời không được nằm trong danh sách chứng khoán không được phép giao dịch do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố từng thời kỳ. Chứng khoán trong tài khoản ký quỹ được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ký quỹ của khách hàng.

Công ty tuân thủ các hạn mức cho vay ký quỹ trên vốn chủ sở hữu, hạn mức cho vay ký quỹ đối với một khách hàng, hạn mức dư nợ cho vay ký quỹ đối với một loại chứng khoán trên vốn chủ sở hữu của công ty, hạn mức tổng khối lượng chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ trên tổng khối lượng chứng khoán niêm yết của một mã cổ phiếu, tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của Quyết định 87 để tối thiểu hóa rủi ro tín dụng.

Công ty ban hành quy định về cho vay ký quỹ, trong đó có quy trình gọi ký quỹ bổ sung và xử lý tài sản thế chấp trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	94.998.733.305	542.224.830
Dự phòng đã lập	-	-
Giá trị thuần	94.998.733.305	542.224.830

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

• Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu theo đúng điều khoản trong hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản phải thu với Công ty Cổ phần KS Group chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty, tuy nhiên đây là đối tác mà Công ty tin nhiệm và khoản này đã được thu hồi tại ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi các khoản nợ đến hạn, chủ yếu do chênh lệch kỳ hạn của các tài sản nợ và tài sản có. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các tài sản tài chính Công ty nắm giữ có khả năng thanh khoản tốt để Công ty có thể dễ dàng chuyển hóa thành tiền khi cần thiết nhằm hỗ trợ khả năng thanh khoản.

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Người lập

Trần Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTMIND
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN NAM HƯNG**